

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Khoa học Giáo dục; Chuyên ngành: Lí luận và Phương pháp dạy học bộ môn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng kí: **Nguyễn Thị Xuân Yên**

2. Ngày tháng năm sinh: 13/06/1969; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Cảnh Dương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): chung cư Vista Verde, số 8 Nguyễn Thanh Sơn, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Văn phòng Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm TP.HCM, 280 An Dương Vương, P4, Q5, TP.HCM.

Điện thoại di động: 0969958616;

E-mail: yenntx@hcmue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 10/1990 đến tháng 5/1997: Giáo viên Trường cấp 2 Quảng Phú, Quảng Trạch, Quảng Bình và Trường Chuyên Quảng Trạch, Quảng Bình; Học viên cao học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

- Từ tháng 6/1997 đến tháng 7/2009: Giảng viên, giảng viên chính, Trưởng Bộ môn Văn-Tiếng Việt, khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế.

- Từ tháng 8/2009 đến tháng 01/2010: Chuyên viên chính, Thư kí Lãnh đạo Bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Từ tháng 2/2010 đến tháng 3/2017: Trưởng phòng-Thư kí Lãnh đạo Bộ, Chủ tịch Công đoàn Tổng hợp; Phó Bí thư Chi bộ Tổng hợp, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Từ tháng 4/2017 đến tháng 12/2017: Giảng viên chính khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ tháng 1/2018 đến tháng 11 năm 2023: Phó Trưởng khoa, khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ tháng 12/2023 đến nay: Giảng viên cao cấp Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chức vụ hiện nay: Giảng viên cao cấp Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng-Thư kí Lãnh đạo Bộ, Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ cơ quan: Văn phòng Khoa Giáo dục Tiểu học A310, số 280, An Dương Vương, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại cơ quan: +84-28-38352020
- Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):
- 8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm
- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):
- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):
- 9. Trình độ đào tạo:
 - Được cấp bằng ĐH ngày 26 tháng 6 năm 1990; Số văn bằng: A16725; Ngành: Ngữ văn; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam.
 - Được cấp bằng ĐH ngày 07 tháng 11 năm 2005; Số văn bằng: B345861; Ngành: Sư phạm Tiếng Anh; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam.
 - Được cấp bằng ThS ngày 24 tháng 3 năm 1997; Số văn bằng: 2299; Ngành: Khoa học xã hội và Nhân văn, chuyên ngành: Ngôn ngữ học; Nơi cấp bằng ThS: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam.
 - Được cấp bằng TS ngày 03 tháng 01 năm 2007; Số văn bằng: 04568; Ngành: Giáo dục học; Nơi cấp bằng TS: Bộ Giáo dục và Đào tạo, Việt Nam.
 - Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):
- 10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành:.....
- 11. Đăng kí xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- 12. Đăng kí xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Khoa học Giáo dục.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu về Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn với hai nhánh:

- + Lí luận và phương pháp dạy học tiếng mẹ đẻ ở tiểu học;
- + Phát triển năng lực dạy học các môn học/hoạt động giáo dục cho giáo viên phổ thông.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): **15** học viên cao học bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học).
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng **06** đề tài (**01** đề tài cấp Bộ, **05** đề tài cấp cơ sở).
- Đã công bố (số lượng) **33** bài báo khoa học, trong đó có **03** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản **12** cuốn trong đó **10** cuốn thuộc nhà xuất bản trong nước uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm: 2008, 2010, 2011, 2012, 2013, 2019, 2020;
- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm: 2014, 2021.
- Giấy khen của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh vì đã đạt giải Nhì cuộc thi Nhà giáo dạy trực tuyến xuất sắc năm học 2021-2022.
- Giấy khen của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học năm học 2022-2023.
- Giấy khen của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh vì đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển Khoa Giáo dục Tiểu học nhân dịp kỉ niệm 30 năm thành lập Khoa Giáo dục Tiểu học.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Bản thân có đầy đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục: Có lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt; Có trình độ đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; Có sức khỏe tốt để thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan và cấp trên giao cho; Có lí lịch bản thân rõ ràng, trong sạch.
- Thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục:
 - + Chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

+ Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của cơ quan cũng như của địa phương nơi cư trú.

+ Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo; tôn trọng nhân cách, đối xử công bằng và bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

+ Hoàn thành tốt công tác giảng dạy chương trình đại học, sau đại học ngành Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học). Tham gia tích cực vào công tác kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh quản lý.

+ Tích cực tham gia hướng dẫn khoá luận tốt nghiệp, sinh viên nghiên cứu khoa học, luận văn thạc sĩ, chú trọng kết hợp giảng dạy với việc thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp để nâng cao chất lượng giảng dạy, đào tạo đại học, sau đại học; Tích cực trong công tác xây dựng tập thể sư phạm vững mạnh, đoàn kết.

+ Thường xuyên và tích cực thực hiện công tác nghiên cứu khoa học theo nguyên tắc giữ gìn đạo đức trong nghiên cứu khoa học; Tích cực trong công tác tham gia Hội thảo khoa học, báo cáo khoa học, công bố kết quả nghiên cứu khoa học trên các tạp chí khoa học có uy tín trong và ngoài nước, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả đào tạo các hệ đại học, sau đại học.

+ Tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng, phát triển năng lực nghề nghiệp cho cán bộ quản lý và giáo viên các địa phương, tích cực tham gia phong trào bình dân học vụ số,...

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: **20** năm **03** tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2019-2020	0	0	2	0	270	45	315/337,5/202,5
2	2020-2021	0	0	3	0	270	90	405/450/189
3	2021-2022	0	0	3	2	210	90	300/345/189
03 năm học cuối								
4	2022-2023	0	0	3	1	420	90	705/750/189
5	2023-2024	0	0	0	0	495	90	585/630/270
6	2024-2025	0	0	1	0	420	90	510/555/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế; số bằng: B345861; năm cấp: 2005

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh (Bằng thứ hai)

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Linh Vang		x	x		2017-2018	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	18/03/2019 theo QĐ số 829/QĐ-ĐHSP
2	Nguyễn Thị Thu Thảo		x	x		2017-2018	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	18/03/2019 theo QĐ số 829/QĐ-ĐHSP
3	Lâm Thị Cẩm Loan		x	x		2017-2018	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	18/03/2019 theo QĐ số 829/QĐ-ĐHSP

4	Nguyễn Đức Vinh		x	x		2018-2019	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	02/03/2020 theo QĐ số 664/QĐ-ĐHSP
5	Dương Thị Bích Phượng		x	x		2019-2020	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	14/01/2022 theo QĐ số 115/QĐ-ĐHSP
6	Trần Thị Thu Vân		x	x		2019-2020	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	14/01/2022 theo QĐ số 115/QĐ-ĐHSP
7	Lê Ngọc Hồng Anh		x	x		2020-2021	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	12/07/2022 theo QĐ số 1973/QĐ-ĐHSP
8	Nguyễn Thị Hải Hà		x	x		2020-2021	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	12/07/2022 theo QĐ số 1973/QĐ-ĐHSP
9	Nguyễn Ngọc Diệu Hiền		x	x		2020-2021	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	12/07/2022 theo QĐ số 1973/QĐ-ĐHSP
10	Trần Thị Thanh Tuyền		x	x		2021-2022	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	04/01/2023 theo QĐ số 18/QĐ-ĐHSP
11	Văn Thụy Cẩm Nguyên		x	x		2021-2022	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	18/10/2023 theo QĐ số 2859/QĐ-ĐHSP
12	Phạm Mỹ Hoàng		x	x		2021-2022	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	18/10/2023 theo QĐ số 2859/QĐ-ĐHSP
13	Trần Ngọc Trâm Anh		x	x		2022-2023	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	22/05/2024 theo QĐ số 1459/QĐ-ĐHSP

14	Nguyễn Trần Hoài Thảo		x	x		2022-2023	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	22/05/2024 theo QĐ số 1459/QĐ- ĐHSP
15	Bạch Thùy Trang		x	x		2022-2023	Trường ĐH Sư phạm TP.HCM	04/12/2024 theo QĐ số 3850/QĐ- ĐHSP

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Những con chữ nhiệm màu-Lắng nghe loài cây nói (Phát triển năng lực viết văn miêu tả cho học sinh lớp 4,5)	TK	NXB ĐHSP TP HCM, 2019	3		04 - 22 35 - 57	Quyết định số 3600/QĐ-ĐHSP ngày 13/12/2018
2	Tiếng Việt 1, tập 2 (sách giáo khoa)	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2019	6	Bùi Mạnh Hùng (TCB) Nguyễn Thị Ly Kha (CB)	125 - 133 143 -162	Quyết định số 4507/QĐ-BGDĐT ngày 21/11/2019
3	Tiếng Việt 2, tập 1 (sách giáo khoa)	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2021	6	Nguyễn Thị Ly Kha	98 -113 130 -145	Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021

4	Tiếng Việt 2, tập 2 (sách giáo khoa)	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2021	7	Nguyễn Thị Ly Kha	42 - 57 98 -133	Quyết định số 709/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021
5	Bài tập thực hành đọc hiểu Tiếng Việt 1	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2021	3	Nguyễn Thị Xuân Yên	5-43	Quyết định số 759TK/QĐ-GD-HCM ngày 13/10/2021
6	Bài tập thực hành đọc hiểu Tiếng Việt 2, tập 1	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2021	4	Nguyễn Thị Xuân Yên	21-56	Quyết định số 737TK/QĐ-GD-HCM ngày 5/10/2021
7	Bài tập thực hành đọc hiểu Tiếng Việt 2, tập 2	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2021	4	Nguyễn Thị Xuân Yên	33-66	Quyết định số 800TK/QĐ-GD-HCM ngày 19/11/2021
8	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Kiên Giang lớp 2 (sách giáo khoa)	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2021	7	Trần Quang Bảo-Nguyễn Thị Xuân Yên	12 -19 27 - 32	Quyết định số 3265/QĐ-BGDĐT ngày 11/10/2021
9	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Lâm Đồng, lớp 2 (sách giáo khoa)	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2022	10	Phạm Thị Hồng Hải (TCB), Trần Đức Lợi (CB)	07-14	Quyết định số 737/QĐ-BGDĐT ngày 16/03/2022
10	Phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học	GT	NXB ĐHSP TP HCM, 2022	3	Nguyễn Thị Xuân Yên	23 - 44 79 - 144 166 - 195	Quyết định số 1651/QĐ-ĐHSP ngày 31/05/2022

11	Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Kiên Giang lớp 3 (sách giáo khoa)	TK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2022	10	Trần Quang Bảo-Nguyễn Thị Xuân Yên	14 - 20 30 - 37	Quyết định số 2495/QĐ-BGDĐT ngày 12/09/2022
12	Tư vấn và hỗ trợ học sinh tiểu học trong dạy học môn Tiếng Việt	CK	NXB Giáo dục Việt Nam, 2025	2	Nguyễn Thị Xuân Yên	61-278 282-311	Quyết định số 2138/QĐ-ĐHSP ngày 24/06/2025

Trong đó: Có **10** cuốn sách do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xuất bản, bao gồm **01** cuốn sách chuyên khảo (ứng viên là chủ biên và tác giả) và **09** cuốn sách tham khảo (05 cuốn ứng viên là chủ biên và tác giả); Có **02** cuốn sách do nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP.HCM xuất bản, bao gồm **01** cuốn giáo trình (ứng viên là chủ biên và tác giả) và **01** cuốn sách tham khảo (ứng viên là tác giả).

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Các phương pháp chữa lỗi phát âm do phương ngữ cho học sinh tiểu học Thừa Thiên - Huế	CN	T01-GD-55 Cấp cơ sở	2001-2003	Biên bản Hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 16/5/2003 Xếp loại: Tốt
2	Tìm hiểu văn hoá dân gian làng biển Cảnh Dương, Quảng Bình	TK	B2001-09-27 Cấp Bộ	2002-2003	Biên bản Hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 30/5/2003 Xếp loại: Tốt

3	Dạy học nói cho học sinh lớp 1 qua môn Tiếng Việt	CN	T04-GD-107 Cấp cơ sở	2004-2006	Biên bản Hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 5/12/2006 Xếp loại: Tốt
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
4	Xây dựng từ điển giáo khoa bằng hình ảnh hỗ trợ dạy học Tiếng Việt lớp 1, 2	CN	T.2007-ĐATĐ-06 Cấp cơ sở trọng điểm	2007-2009	Biên bản Hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 7/12/2009 Xếp loại: Khá
5	Xây dựng ngữ liệu tham khảo về chủ đề biển đảo trong môn Tiếng Việt tiểu học	CN	CS-2019.19.16 Cấp cơ sở	2019-2020	Biên bản Hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 9/1/2021 Xếp loại: Tốt
6	Biện pháp tư vấn và hỗ trợ học sinh đầu cấp tiểu học trong dạy học môn Tiếng Việt	CN	CS-2023.19.28 Cấp cơ sở	2023-2024	Biên bản Hội đồng đánh giá nghiệm thu ngày 16/5/2025 Xếp loại: Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư kí.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS							
1	Về dạy học nói cho học sinh lớp 1 qua môn Tiếng Việt	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số 78, trang 32-34	2004
2	Bàn về hệ thống bài tập dạy học Tiếng	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số 83, trang 18-19	2004

	Việt theo nguyên tắc giao tiếp							
3	Xây dựng bài tập dạy học hội thoại cho học sinh đầu bậc tiểu học theo nguyên tắc giao tiếp	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số 103, trang 18-19	2004
4	Quy trình tổ chức các bài tập giao tiếp trong dạy học hội thoại cho học sinh đầu bậc tiểu học	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số 111, trang 23-25	2005
5	Vận dụng “Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học” vào nội dung, phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Việt-Văn học trong đào tạo giáo viên tiểu học	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số 142, trang 3-5	2006
II Sau khi được công nhận PGS/TS								
6	Bàn về các nguyên tắc xây dựng từ điển giáo khoa bằng hình ảnh hỗ trợ dạy học Tiếng Việt lớp 1, 2	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số 202, trang 34-36	2008
7	Vận dụng phương pháp phân tích ngôn ngữ trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số 252, trang 28-29	2010
8	Tổ chức thực hành luyện đọc diễn cảm bằng biện pháp luyện theo mẫu trong giờ dạy Tập đọc ở tiểu học	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số 254, trang 17-18	2011

9	Cần phát triển sớm ngôn ngữ thị giác cho trẻ	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số 302 kì 2 tháng 1 trang 40-41	2013
10	Về khái niệm “literacy” và việc dạy học đọc, viết cho học sinh tiểu học trong môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			433, kì 1-7, trang 1-4	2018
11	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học viết văn miêu tả ở tiểu học đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số 467, trang 31-36	2018
12	Nguyên tắc và tiêu chí xây dựng ngữ liệu chủ đề biển đảo trong môn Tiếng Việt tiểu học đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018	3	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số 478, trang 12-16	2019
13	Các nguyên tắc xây dựng chương trình và tài liệu giáo dục địa phương ở tiểu học đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Số Đặc biệt, kì 1 tháng 4, trang 26-32	2021
14	Tư vấn, hỗ trợ học sinh đầu cấp tiểu học trong học tập môn	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 22, Số 7, trang 1-6	2022

	Tiếng Việt đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018						
15	Xây dựng ngữ liệu dạy học trực tuyến rèn kỹ năng viết đoạn văn cho học sinh lớp 2	2	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 22, số Đặc biệt, tháng 5, trang 28-33 2022
16	Vietnamese Primary School Teachers' Needs for Professional Development in Response to Curriculum	3	x	Education Research International ISSN 2090-4002	Scopus, Q3		Volume 2022, Article ID 4585376, 8 page https://bit.ly/41YRxeJ 2022
17	Cách thức xây dựng trường từ vựng hỗ trợ dạy học viết văn tả người cho học sinh lớp Năm	2	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 22, số 20, tháng 10, trang 1-5 2022
18	Thực trạng sinh hoạt tổ chuyên môn theo nghiên cứu bài học ở các trường tiểu học quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh	4		Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP Huế ISSN 1859-1612			Số 4(64)A/2022 trang 119-127 2022
19	The status of digital learning and some orientations on the criteria of digital learning for short-term training online courses	9		Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP HCM ISBN 978-604-309-795-5			Kỉ yếu Hội thảo khoa học quốc tế, trang 44-62 2022
20	Giải pháp chăm sóc sức khỏe tinh thần cho sinh viên sau đại dịch covid-19: Tiếp	7		Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP HCM			Tập 19, Số 7 (2022)1002-1014 2022

	cận góc độ quản trị trường học			ISSN 2734-9918				
21	Curriculum reform in Vietnam: primary teachers' views, experiences, and challenges	4	x	Education 3-13 ISSN 0300-4279 / 1475-7575	ISI (ESCI), Scopus, Q2		Vol. 51, No. 3, 440–451 https://bit.ly/4m0IXNI	2023
22	Xây dựng ngữ liệu đa phương thức rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản thông tin cho học sinh lớp 4	2	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 23, số 1, tháng 1, trang 1-7	2023
23	Xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo giáo viên tiểu học trình độ cử nhân đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng	3	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 23, số Đặc biệt 1, tháng 3, trang 68-74	2023
24	Teaching writing to young learners: Vietnamese Primary school teachers' beliefs	3	x	Language Related Research ISSN 23223081	Scopus, Q2		Vol. 14, No. 3, 191–211 https://lrr.moadares.ac.ir/article-14-64877-en.html	2023
25	Several international models of the happy school and recommendation in Vietnam	4		Hochiminh city University of education Journal of science ISSN 2734-9918				2023
26	Biện pháp tư vấn, hỗ trợ học sinh lớp 1 trong việc rèn kỹ	2	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 23, số Đặc biệt,	2023

	năng viết câu, đoạn văn ngắn đáp ứng Chương trình giáo dục phổ thông 2018						tháng 8, trang 31-36	
27	Cách thức xây dựng trường từ vựng hỗ trợ dạy học viết văn tả cảnh cho học sinh lớp 5	2	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 23, số Đặc biệt, tháng 8, trang 50-56	2023
28	Năng lực nghề nghiệp của giáo viên tiểu học và vấn đề xây dựng bộ tiêu chí xác định trường học hạnh phúc tại Thành phố Hồ Chí Minh	1	x	Giáo dục ISSN 2354-0753			Tập 23, số Đặc biệt, tháng 8, trang 259-264	2023
29	Phát triển chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học thông qua ngữ liệu dạy học, giáo dục đáp ứng Chương trình Giáo dục phổ thông 2018	1	x	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP HCM ISSN 2734-9918			Tập 20, Số 7, 1280-1288	2023
30	Tính liên thông trong việc xây dựng Chương trình đào tạo giáo viên tiểu học, giáo viên mầm non dựa trên đường phát triển năng lực của trẻ 5-6 tuổi	2	x	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP HCM ISSN 2734-9918			Tập 20, Số 5, 738-747	2023
31	Biện pháp bồi dưỡng năng lực dạy học, giáo dục tích hợp nội dung giáo dục địa	3	x	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP HCM ISSN 2734-9918			Tập 21, Số 7, 1286-1297	2024

	phương cho giáo viên tiểu học						
32	Các nguyên tắc tư vấn, hỗ trợ học sinh lớp 1, 2 trong hoạt động viết câu, đoạn văn ngắn	4	x	Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP TP HCM ISSN 2734-9918		Tập 22, Số 5,	2025
33	Xây dựng trường từ vựng chỉ cảm xúc dạng học liệu số hỗ trợ dạy học viết văn miêu tả cho học sinh lớp Bốn, Năm	4		Giáo dục ISSN 2354-0753		Tập 25 số 11, trang 29-34	2025

- Trong đó: **03** bài (16, 21, 24) là bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín trong danh mục Scopus/ SCIE mà UV là tác giả chính/tác giả liên hệ sau PGS/TS.

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ năm 2022 ngành Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học)	Tham gia	Quyết định số 889/QĐ-ĐHSP ngày 18/03/2022	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM	Quyết định số 4196/QĐ-ĐHSP ngày 30/12/2022	
2	Chương trình đào tạo trình độ Đại học năm 2022 ngành Giáo dục Tiểu học	Tham gia	Quyết định số 889/QĐ-ĐHSP ngày 18/03/2022	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM	Quyết định số 2747/QĐ-ĐHSP ngày 27/09/2022	
3	Chương trình đào tạo trình độ Đại học năm 2024 ngành Công nghệ Giáo dục	Đồng chủ trì	Quyết định số 2636/QĐ-ĐHSP ngày 06/09/2024	Trường Đại học Sư phạm TP.HCM	Quyết định số 179/QĐ-ĐHSP ngày 15/01/2025	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng

ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÍ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Xuân Yên